

Từ chủ trương của Đảng về vũ trang cách mạng đến sự ra đời của Quân đội công nông

Lê Liên

Trên Con đường đi tìm đường cứu nước, cùng ngày mục tiêu cách mạng càng rõ trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: phải đánh đổ chủ nghĩa đế quốc và phong kiến, thực hiện cách mạng dân tộc, dân chủ, tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa và con đường giải phóng duy nhất là con đường cách mạng bạo lực. Người xác định rõ công việc cần kíp trước tiên là phải lập ra một Đảng Cộng sản theo tư tưởng của Mác – Ăng-ghe-n và chủ nghĩa Lê-nin.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng đã xác định rõ “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. “Về phương diện chính trị: a- Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến. b-

Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. c- Dựng ra Chính phủ công nông binh. d- Tổ chức ra quân đội công nông”. Về phương pháp đấu tranh cách mạng, Đảng chủ trương “phát động quần chúng đấu tranh giai cấp, lãnh đạo quần chúng đấu tranh từ kinh tế, đấu tranh chính trị tiến tới vũ trang giành chính quyền về tay công nông dựng nên nền chuyên chính dân chủ nhân dân và xây dựng xã hội mới”. Trong Luận cương chính trị, Đảng xác định lập đội quân công nông là nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng, với mục tiêu là đánh đổ chủ nghĩa đế quốc Pháp, giành độc lập dân tộc. Đồng thời Đảng cũng nêu rõ: vũ trang bạo động không phải là một



việc thường, mà phải theo khuôn phép nhà binh... Trong khi không có tình thế cách mạng trực tiếp, không tổ chức những cuộc manh động, hoặc võ trang bạo động quá sớm. Phương pháp đấu tranh lúc đó là huy động quần chúng thị uy, biểu tình, bãi công... để chuẩn bị cho các cuộc võ trang bạo động về sau.

Ngay sau khi Đảng ra đời, phong trào đấu tranh cách mạng phát triển rầm rộ trong cả nước, đặc biệt là các cuộc đấu tranh của công nhân và nông dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh. Các cuộc đấu tranh này đều bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Để chống lại sự đàn áp của kẻ thù trong các cuộc đấu tranh đã xuất hiện các đội tự vệ của công nông mà mục đích đầu tiên là để bảo vệ sinh mạng cho những người tham gia đấu tranh. Trong phong trào Xô-viết Nghệ Tĩnh, khi tại các làng, xã có thành lập chính quyền của nhân dân thì các đội tự vệ công nông (thường gọi là Tự vệ đỏ) đứng ra làm nhiệm vụ bảo vệ chính quyền.

Trước sự xuất hiện của các đội tự vệ công nông hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng tháng 3-1931 đã nhận định bảo vệ quần chúng trong các cuộc đấu tranh hàng ngày với những lợi ích cụ thể, chống địch đàn áp là một sự tự vệ rất cần thiết. Hội nghị đã khẳng định "cần tổ chức đội tự vệ công nông để chống lại khủng bố trong lúc đấu tranh là một trong ba nhiệm vụ cấp bách". Một năm sau, khi đề ra Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng lại nhấn mạnh: "Cần phải lập ra công nông tự vệ để bảo hộ anh em lao động lúc đình công, hội họp, thị oai tuần hành...". Những đội vũ trang quần chúng trong những năm 1930, 1931, 1932 có vai trò rất quan trọng, đã bảo vệ cho các cuộc đấu tranh, bảo vệ các thành quả ban đầu do đấu tranh mang lại và tạo niềm tin cho nhân dân về sức mạnh to lớn của cách mạng. Đó thực sự "là những mầm mống đầu tiên của lực lượng vũ trang cách mạng của nhân dân do Đảng ta lãnh đạo".

Sau 5 năm đấu tranh Sóng mái chống thực dân Pháp và bè lũ phong kiến tay sai của chúng, đến Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc) tháng 3-1935, tư duy về xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng đã chín muồi trong Nghị quyết của Đại hội về Đội tự vệ. Theo Nghị quyết, tổ chức Công nông cách mạng tự vệ đội là để "ủng hộ quần chúng hàng ngày, ủng hộ quần chúng trong các cuộc tranh đấu, ủng hộ các cơ quan cách mạng và chiến sĩ cách mạng của công nông, quân sự huấn luyện cho lao động cách mạng, chống quân thù giai cấp tấn công và làm cho vận động cách mạng thắng lợi"... "Tự vệ đội càng mạnh thì tức là có điều kiện thuận tiện sau này tổ chức du kích chiến tranh, võ trang bạo động". Bản nghị quyết đã xác định rõ tính chất cách mạng và vai trò, nguyên tắc

lãnh đạo của Đảng trong các đội tự vệ, các nguyên tắc xây dựng lực lượng cả về chính trị, tổ chức, biên chế, trang bị, huấn luyện, mối quan hệ giữa chỉ huy và lãnh đạo, mối quan hệ giữa các đội tự vệ với quần chúng nhân dân.

Sau Đại hội lần thứ nhất của Đảng, tình hình trên thế giới có những chuyển biến sâu sắc, phong trào chống chiến tranh phát xít lan rộng khắp nơi. Bên Pháp, Mặt trận Bình dân lên nắm quyền. Trước tình hình đó, Đảng xác định nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Đảng lập mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi, bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tin ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc để đấu tranh đòi những quyền lợi hàng ngày, chống chế độ thuộc địa vô nhân đạo, để “dự bị điều kiện cho cuộc vận động dân tộc giải phóng được phát triển”. Đảng cũng nhắc nhở toàn thể đảng viên: “Ta chưa ở tình thế trực tiếp cách mạng, khi lãnh đạo quần chúng đấu tranh, phải tránh những hành động kịch liệt, bạo động, có thể khiêu khích quân thù khủng bố vô ích, phải biết giữ gìn lực lượng quần chúng”.

Ngày 1-8-1939, Đức quốc xã tiến công Ba Lan, mở đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Tháng 11-1939, Trung ương Đảng họp hội nghị ở Bà Điểm, Hóc Môn, Gia Định (hội nghị Trung ương 6) quyết định điều chỉnh sự chỉ đạo chiến lược cách mạng ở Đông Dương cho phù hợp với tình hình mới. Hội nghị xác định: “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng, để tranh lấy giải phóng dân tộc” và chủ trương kiên quyết tập trung mũi nhọn các cuộc đấu tranh của quần chúng vào việc chống đế quốc và tay sai, chuẩn bị tiến tới làm bạo động cách mạng để giải phóng dân tộc. Tại hội nghị này, đi đôi với quyết định lập Quốc dân cách mạng quân, Trung ương chủ trương phát triển tự vệ để bảo vệ quần chúng cách mạng với yêu cầu: “Đội tự vệ phải to rộng, đủ dũng cảm và điềm tĩnh khôn khéo và hy sinh bảo vệ quần chúng”. Sau hội nghị Trung ương 6, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ và cuộc binh biến ở Đô Lương nổ ra. Từ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, đội du kích Bắc Sơn ra đời (13-10-1940), về sau phát triển thành các đội Cứu quốc quân.

Một sự kiện quan trọng đánh dấu sự phát triển của cách mạng Việt Nam và sự phát triển của các lực lượng vũ trang dưới sự lãnh đạo của Đảng là tháng 1-1941. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Trước khi về nước, Người đã tiến hành đào tạo cán bộ các đoàn thể và cán bộ quân sự, tổ chức xây dựng thí điểm các tổ chức cứu quốc ở Cao Bằng. Tháng 5-1941, dưới sự

chủ trì của Bác, Trung ương Đảng họp hội nghị lần thứ 8. Hội nghị đánh giá các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và cuộc binh biến ở Đô Lương là những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương". Hội nghị đã cử ra Ban chấp hành Trung ương chính thức, quyết định thành lập trên ba nước Đông Dương mỗi nước một mặt trận dân tộc thống nhất: Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh), Ai Lao độc lập đồng minh và Cao Miên độc lập đồng minh. Hội nghị cũng đề ra phương hướng tổ chức lực lượng vũ trang cứu quốc, chọn từ trong các đoàn thể quần chúng những người trung thành, hăng hái để tổ chức ra các đội tự vệ và tiểu đội du kích, phân biệt rõ nhiệm vụ từng tổ chức vũ trang: đội tự vệ cứu quốc có nhiệm vụ bảo vệ quần chúng trong các cuộc đấu tranh; tiểu tổ du kích cứu quốc bảo vệ các đoàn thể, các chiến sĩ cách mạng, giúp đỡ các đội du kích chính thức; đội du kích chính thức chỉ tổ chức khi phát động chiến tranh du kích. Đó là lực lượng nòng cốt trực tiếp chiến đấu đánh đuổi Nhật-Pháp, giành chính quyền về tay nhân dân.

Các nghị quyết của Hội nghị Trung ương 8 đã thể hiện rất rõ tư tưởng của Đảng ta về vũ trang quần chúng cách mạng đi đôi với xây dựng đội quân chủ lực. Từ đây, trên khắp cả nước, cùng với việc thành lập Việt Minh ở các làng, các tổng, nhiều địa phương đã lập ra các đội tự vệ, các đội du kích, mà tiêu biểu là các tỉnh ở Việt Bắc.

Khi về nước trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng trong nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn Cao Bằng làm chỗ đứng chân đầu tiên để từ đây xây dựng căn cứ địa cách mạng. Tại các huyện Hà Quảng, Hòa An, Nguyên Bình, Người tổ chức thí điểm các bản Việt Minh, tổng Việt Minh. Chỉ trong một thời gian ngắn, hàng ngàn người đã hăng hái tham gia tổ chức cách mạng. Ngay tại bản Pác Bó, đội du kích vũ trang tập trung đầu tiên được thành lập làm nhiệm vụ bảo vệ cán bộ của Đảng từ Trung Quốc về hoạt động, bảo vệ cơ quan, làm giao thông liên lạc, huấn luyện quân sự cho các đội du kích ở địa phương, với thành phần là những cán bộ chính trị, những đảng viên kiên trung, hầu hết đang ở tuổi thanh niên. Bác Hồ đã trực tiếp viết các tài liệu huấn luyện quân sự và thường xuyên giáo dục chính trị cho cán bộ, chiến sĩ trong đội. Một nhiệm vụ quan trọng Bác giao cho đội là đi tuyên truyền phát triển các cơ sở cách mạng, lúc đầu là các địa phương quanh Pác Bó. Theo chỉ thị của Bác, công tác vũ trang tuyên truyền phát triển mạnh, số người tham gia mặt trận Việt Minh ở Cao Bằng ngày càng đông đảo, làm cho bọn địch ở địa phương lo sợ, không dám o ép, đàn áp, khủng bố các cuộc đấu tranh của nhân dân.

Đầu năm 1943. Đảng đề ra chủ trương Nam tiến, phát triển phong trào cách mạng từ Cao Bằng về Thái Nguyên và các tỉnh đồng bằng, nối liền các căn cứ cách mạng với nhau, nối liền liên lạc giữa các địa phương với Trung ương. Nhiều cán bộ lãnh đạo của Đảng đã tham gia Nam tiến, chia thành các hướng đi về phía Nam. Cùng với cán bộ của trung ương và các địa phương, cán bộ, chiến sĩ đội du kích Pác Bó trở thành những cán bộ nòng cốt đi vận động đồng bào các dân tộc tham gia Việt Minh, xây dựng phong trào cách mạng ở các tỉnh Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên, Lạng Sơn... và đi xây dựng các đơn vị vũ trang cách mạng mới. Phong trào Nam tiến phát triển mạnh mẽ, đến với dân bằng nhiều con đường thu hút hàng vạn đồng bào tham gia Việt Minh, nhiều thanh niên tham gia vào các đội vũ trang.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng, thực dân Pháp và bọn tay sai ra sức đàn áp, nhưng đã không dập tắt được các phong trào của quần chúng. Sau 8 tháng thực hiện chủ trương Nam tiến, tháng 10-1943, hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai được nối liền, liên tục giữa Trung ương và các địa phương đồng bằng Bắc Bộ được khai thông. Căn cứ cách mạng của ta ngày càng mở rộng, thế và lực cách mạng phát triển không ngừng, các trung đội vũ trang thoát ly được thành lập.

Tháng 10-1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Trung Quốc về. Sau khi nghe các đồng chí uỷ viên Trung ương Đảng và các cán bộ chủ chốt của chiến khu Cao-Bắc-Lạng báo cáo tình hình, Người chỉ thị: “chọn những cán bộ, chiến sĩ anh dũng nhất, những vũ khí tốt nhất tổ chức thành một đội vũ trang để hoạt động. Ta dùng hình thức vũ trang để gây ảnh hưởng cách mạng sâu rộng trong quần chúng. Tác chiến phải gây được ảnh hưởng tốt về chính trị, do đó mà mở rộng cơ sở phát triển lực lượng vũ trang. Chúng ta sẽ lập một đội quân giải phóng”. Người đặt nhiệm vụ chính trị lên hàng đầu cho đội và thống nhất lấy tên là Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Đây chính là đội quân chủ lực đầu tiên của cách mạng Việt Nam được thành lập dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Bác Hồ, của Trung ương Đảng. Ngày 22-12-1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân làm lễ thành lập, ngay sau đó xuất quân đi chiến đấu, mở đầu cho truyền thống anh hùng của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Kể từ khi đề ra chủ trương bạo lực cách mạng, xây dựng đội quân công nông khi thành lập Đảng, đến ngày Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời, cách mạng Việt Nam trải qua mười lăm năm. Khoảng thời gian cần thiết này đủ để Đảng ta rèn giũa, trở thành một Đảng cách mạng chân chính, các phong trào đấu

tranh của nhân dân liên tục diễn ra đã tạo ra một đội ngũ quần chúng cách mạng đông đảo, tin tưởng vững chắc vào sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Có Đảng, có Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, có lực lượng quần chúng công nông cách mạng, từ các đội vũ trang tiền thân, Quân đội nhân dân ta đã ra đời, thực hiện cụ thể phương thức đấu tranh cách mạng của Đảng, mở ra một bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam.

Nguồn trích: Sự kiện và Nhân chứng, số 128, tháng 8/2024, tr. 4-5